

Số:

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy gia công cắt, uốn thép Povina” tại KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy gia công cắt, uốn thép Povina” tại KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thông báo kết quả thẩm định số 1552/BQL-MT ngày 11/6/2021 của Ban Quản lý các KCN;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy gia công cắt, uốn thép Povina” tại KCN Phú Mỹ II mở rộng đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 01/2021/CV-ĐTM ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Công ty TNHH Thép Povina;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy gia công cắt, uốn thép Povina” tại KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH Thép Povina (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thép Povina (chủ dự án);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Phú Mỹ;
- Lãnh đạo Ban;
- Chủ đầu tư KCN Phú Mỹ II mở rộng;
- Lưu: VT, HSMT, Website Ban (P/Sơn).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Anh Triết

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Nhà máy gia công cắt, uốn thép Povina” tại KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 8 năm 2021
của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy gia công cắt, uốn thép Povina

1.2. Chủ đầu tư dự án

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thép Povina

- Địa điểm: KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho toàn bộ dự án

- Quy mô công suất thiết kế: 4.000 tấn/tháng tương đương 48.000 tấn/năm.

+ Giai đoạn I: Công suất 2.500 – 3.000 tấn/tháng tương đương 30.000 – 36.000 tấn/năm.

+ Giai đoạn II: Công suất còn lại đạt 4.000 tấn/tháng tương đương 48.000 tấn/năm .

- Diện tích mặt đất: 10.000 m².

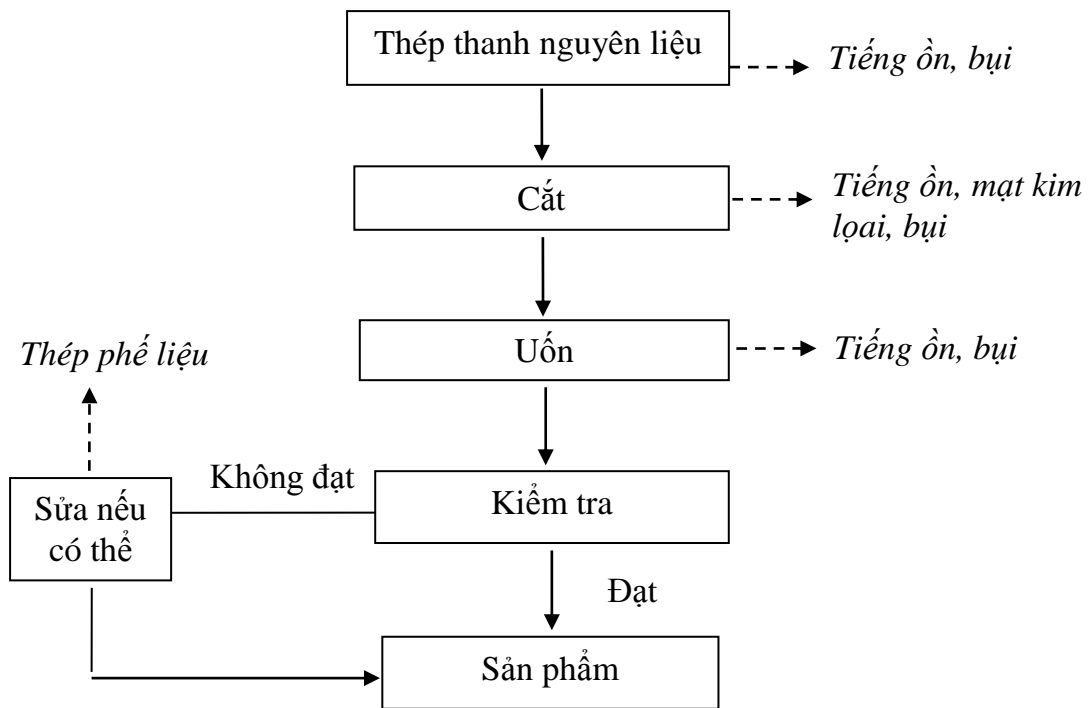
1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Công trình chính		
1	Nhà xưởng	6.187,5	61,875
	Văn phòng	-	-
II	Công trình phụ trợ		
2	Trạm bơm PCCC	14,4	0,144
3	Khu vực đỗ xe 2 bánh	76,5	0,765
4	Trạm điện	16	0,16
5	Phòng khí nén	20,4	0,201
6	Nhà vệ sinh	40,32	0,4032
7	Kho chứa chất thải nguy hại (CTNH)	25,2	0,252
8	Kho chứa thải công nghiệp (CTRSX)	20	0,2
9	Kho chứa chất thải sinh hoạt	10	0,1

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	(CTSH)		
10	Phòng bảo vệ	16	0,16
11	Phòng nghỉ TX	16	0,16
12	Diện tích đất cây xanh	2.006	20,06
13	Giao thông	1.552	15,52
	Tổng	10.000	100

1.5. Công nghệ sản xuất:

Quy trình sản xuất của dự án:



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động	Các tác động môi trường chính của dự án
Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị	Vận chuyển nguyên vật liệu	Bụi, CO, SO ₂ , NO ₂ ,... tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển

Các giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động	Các tác động môi trường chính của dự án
	Hoạt động xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án	- Các loại chất thải: Vật liệu xây dựng, bao bì, đồ bao gói, chất thải dính dầu, sơn, que hàn. + Khí thải: Bụi, tiếng ồn,.. + Nước thải: vệ sinh máy móc thiết bị xây dựng,..
	Hoạt động của công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải sinh hoạt.
Giai đoạn vận hành	Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải sinh hoạt.
	Hoạt động của các phương tiện cơ giới vận nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án	- Khí thải: Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂ , VOC,..., tiếng ồn, rung.
	Hoạt động sản xuất: từ công đoạn nhập nguyên liệu, công đoạn cắt, uốn, kiểm tra sản phẩm.	- Khí thải: Bụi, mạt kim loại, ồn, rung. - Chất thải công nghiệp: sắt, thép phế liệu. - Chất thải nguy hại (CTNH): giẻ lau dính dầu từ vệ sinh bảo trì máy móc, thiết bị, dầu thải bảo dưỡng máy móc.
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải sinh hoạt.
	Các sự cố môi trường	Sự cố về cháy nổ, tai nạn giao thông, bể tự hoại,..
	Các nguồn khác	Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án, ...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Nước thải xây dựng: hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị.
- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 8 m³/ngày.đêm (100 người). Thành phần chất ô nhiễm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 4,16 m³/ngày.đêm từ hoạt động công nhân viên (khoảng 52 người). Thành phần chất ô nhiễm bao gồm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Hoạt động thi công: Các thiết bị máy móc thi công sử dụng dầu DO để thi công nhà xưởng, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, các công trình phụ trợ và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải,.. Thành phần chủ yếu : Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Khí thải: bụi sơn, hơi dung môi từ quá trình sơn nhà xưởng; bụi, kim loại từ quá trình hàn sắt thép, lắp ráp nhà xưởng.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Khí thải: Các phương tiện cơ giới vận chuyển nguyên nhiên vật liệu và sản phẩm ra vào khu vực dự án: Bụi, CO, NO_x, SO₂

- Khí thải: Phát sinh bụi, CO, SO_x, NO_x từ quá trình nhập nguyên liệu, cắt, uốn.

- Mùi, khí thải từ các nguồn khác: nhà vệ sinh, khu chứa chất thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị

- Chất thải rắn xây dựng: khoảng 1,7 tấn/ngày, thành phần chủ yếu gồm bao bì (xi măng, thùng caton,...), sắt, thép vụn, gạch vỡ, cổ pha đất, cát, đá rơi vãi trong quá trình thi công.

- Chất thải sinh hoạt: khoảng 50 kg/ngày từ hoạt động công nhân.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 26 kg/ngày bao gồm các loại bao bì, thức ăn thừa từ nhà ăn,...

- Chất thải công nghiệp thông thường: khoảng 200 tấn/năm bao gồm: thép phế liệu và mạt kim loại.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Chất thải nguy hại: khoảng 10 kg/ngày chủ yếu bao gồm: dầu nhớt thải; giẻ lau, thùng sơn, bóng điện huỳnh quang hỏng, que hàn.

2.5.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh: khoảng 128 kg/tháng. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại cụ thể như sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	12	
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	24	
3	Pin, acquy	Rắn	48	
4	Hộp mực in	Rắn	8	
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	24	
6	Thùng kim loại dính dầu, dầu nhớt	Rắn	12	
	Tổng		128	

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị

Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động số lượng 02 nhà vệ sinh, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống mương xây, công tròn BTCT, hố ga thu nước → Song chắn rác → đấu nối với hệ thống thu gom thoát nước mưa của KCN.

- Nước thải sinh hoạt: nước thải được thu gom qua bể tự hoại 3 ngăn, xử lý sơ bộ, đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN.

- **Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đạt theo tiêu chuẩn đấu nối với KCN Phú Mỹ II mở rộng (theo thỏa thuận hợp đồng xử lý nước thải với KCN).

3.2. Công trình, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Trang bị bảo hộ lao động (mũ bảo hộ, khẩu trang, găng tay, ủng hoặc giày ba ta, quần áo bảo hộ và các thiết bị bảo hộ khác) cho người lao động.

- Thường xuyên vệ sinh, tưới nước giảm bụi tại khu vực thi công đào đắp, đường N1 – đường nội bộ vào khu vực dự án.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Đối với phương tiện vận chuyển: sử dụng các xe được kiểm định theo quy

định; định kỳ bảo dưỡng theo đúng quy định; điều tiết, hạn chế tốc độ xe trong khu vực dự án; duy trì mật độ cây xanh.

- Bụi, khí thải: thông thoáng nhà xưởng, bố trí hệ thống thông gió, chiếu sáng các xưởng sản xuất; trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải công nghiệp thông thường

3.3.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng khu vực thi công và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa tại khu vực có phát sinh, thu gom về khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích 10 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường: Thu gom lưu giữ trong kho có diện tích khoảng 20 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị

Toàn bộ chất thải nguy hại được lưu giữ trong thùng có nắp đậy và ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Các loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh được thu gom, lưu chứa trong kho có diện tích 25,2 m². Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu chứa và xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước thải.
- + Nước mưa chảy trên mái nhà xưởng: thu gom bằng các đường ống PVC (D200) vào hệ thống thu gom nước mưa nội bộ dự án.
- + Nước mưa chảy tràn sân đường nội bộ: thu gom bằng các cống bê tông cốt thép Ø800; trên tuyến cống thu gom các hố ga có song chắn rác để chắn các loại rác thải có kích thước lớn bị cuốn trôi theo nước mưa trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa KCN Phú Mỹ 2 rộng qua 01 điểm đầu nối trên đường N1.

3.5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất phù hợp, không bố trí các thiết bị có khả năng gây ồn cao gần nhau.
- Đối với máy phát điện dự phòng được lắp đặt tại khu vực riêng biệt, cách xa khu vực văn phòng.
- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc thiết bị và thay thế các chi tiết có nguy cơ bị hư hỏng, gây ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.
- Tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển được kiểm soát bằng việc yêu cầu không chở quá tải và hạn chế bóp còi trong khu vực nhà máy.

3.5.3. Kiểm soát ô nhiễm nhiệt

- Bố trí nhà xưởng thông thoáng, hệ thống quạt thông gió, quạt công nghiệp.
- Dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất được lắp đặt, thiết kế theo quy định nhằm hạn chế gia tăng nguồn nhiệt phát sinh;
- Tuân thủ quy trình vận hành an toàn máy móc, thiết bị.
- Thực hiện thông gió cưỡng bức và thông gió tự nhiên đối với các nhà xưởng.
- Tuân thủ điều kiện làm việc trong nhà xưởng sản xuất theo quy định.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo quy định.
- Trồng cây xanh đảm bảo tối thiểu đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích của Nhà máy.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp an toàn lao động

- Tuân thủ quy định về an toàn lao động tại nhà máy.
- Tuân thủ quy định về an toàn, phòng ngừa tai nạn.
- Đảm bảo ánh sáng và thông thoáng nhà xưởng trong quá trình sản xuất.
- Các máy móc, thiết bị được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật và hướng dẫn về vận hành của nhà sản xuất.
- Thường xuyên tập huấn an toàn lao động cho công nhân.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Tuân thủ các quy định về an toàn trong thiết kế, xây dựng, lắp đặt hệ thống PCCC theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định phòng cháy trong lưu chứa hóa chất tại nhà máy theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Tuân thủ các nguyên tắc an toàn trong nhập liệu, lưu chứa và vận hành sản xuất, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật như: khu vực nhập liệu...; Hệ thống thông tin; Hệ thống chiếu sáng; Các thiết bị phụ trợ khác.
- Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị sản xuất.
- Thiết lập phương án ứng cứu sự cố đối với sự cố cháy, nổ.
- Tuyên truyền, tập huấn về an toàn cháy nổ cho công nhân, quản lý nhà máy theo định kỳ.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa;
- Hệ thống thu gom, thoát nước thải;
- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Bể tự hoại 03 ngăn
- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải:
- + Kho chứa rác thải sinh hoạt 10m²; kho chứa chất thải công nghiệp 20 m² và kho chứa CTNH 25,2 m²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Tần suất, vị trí và thông số giám sát: Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nối tiếp nhận nước thải KCN Phú Mỹ II- mở rộng.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

TT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Quy mô/ công suất
01	Hệ thống thu gom nước mưa	01	Hệ thống thoát nước mưa được bố trí xung quanh trong khuôn viên Nhà máy. Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng tuyến ống PVC D200 và nước mưa trên sân đường nội bộ bố trí mương thu với độ dốc $i=0,2\%$, D800, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước mưa của KCN trên đường N1.
02	Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt của dự án	01	Nước thải sinh hoạt được thu gom qua bể tự hoại xử lý sơ bộ, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN trên đường N1.
03	Công trình quản lý chất thải sinh hoạt	01	Khu vực chứa rác sinh hoạt 10 m^2
	Công trình quản lý chất thải công nghiệp	01	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp diện tích 20 m^2
	Công trình quản lý chất thải nguy hại	01	Kho chứa chất thải nguy hại diện tích $25,2\text{ m}^2$

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.2. Giám sát môi trường giai đoạn hoạt động thương mại:

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga trước điểm đầu nối hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN trên đường N1.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, Amoni, tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Phú Mỹ II mở rộng.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: tại vị trí lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐCP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện khác có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công, ... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN Bà Rịa-Vũng Tàu trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổ chức quan trắc, giám sát chất thải phát sinh trong quá trình vận hành thử nghiệm và quá trình hoạt động của dự án. Trường hợp phát hiện bất kỳ các thông số ô nhiễm nào có trong chất thải phát sinh từ quá trình vận hành không đạt yêu cầu so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phải dừng ngay hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN, UBND thị xã Phú Mỹ, Chủ đầu tư hạ tầng KCN Phú Mỹ II - mở rộng để được hướng dẫn giải quyết; chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) theo quy định.

6.4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự môi trường trong suốt quá trình vận hành dự án theo quy định pháp luật; chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại theo quy định trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường.

6.5. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu, kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với chất thải với tần suất 03 tháng/lần. Định kỳ 01 năm/lần báo cáo tiến độ thực hiện dự án và công tác bảo vệ môi trường dự án về Ban Quản lý các KCN để theo dõi, giám sát./.